TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18- 6-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh

Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L – sinh năm 1997
Nơi ĐKHKTT: Thôn 6, xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ hiện nay: Công ty D, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn D – sinh năm 1996
Trú tại: Xóm 8, xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, có mặt chị L, vắng mặt anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2019, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào ngày 8/01/2015. Sau khi cưới vợ chồng sống với bố mẹ chồng tại xóm 8, xã D. Ngày 29/10/2015, chị L sinh cháu T. Ngày 23/8/2016 anh chị mới đi đăng ký kết hôn và được UBND xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2016. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất. Anh Đ chơi bời không quan tâm để ý đến vợ con, nhiều lần đánh chị. Hai bên gia đình khuyên giải, giàn xếp nhưng anh Đ vẫn không

thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị L xác định không còn tình cảm với anh Đ và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Trà M sinh ngày 29/10/2015 . Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Trà My ở với chị. Hai mẹ con đang ở Hoàng Mai, Hà Nội. Cháu Trà M đang học tại trường Mầm Non H Linh Đàm. Chị làm ở Công ty cổ P thu nhập chính 8.000.000đ /tháng, ngoài ra còn tiền thưởng và các chế độ khác từ 1.000.000đ - 2.000.000đ/tháng, tổng thu nhập từ 9.000.000đ -10.000.000đ/tháng. Chị làm giờ hành chính nên không ảnh hưởng đến việc chăm sóc và đưa đón con đi học. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án xem xét và không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Biên bản xác minh ngày 22/4/2019 tại UBND xã D, huyện Triệu Sơn thể hiện: Chị L và anh Đ kết hôn năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà chồng tại xóm 8 xã D, huyện Triệu Sơn. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2017 Chị L về sống với bố mẹ đẻ tại xã D. Hiện nay anh Đ làm nghề tự do không xác định được thu nhập.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Về hôn nhân áp dụng Điều 51,56 LHNGĐ: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị được ly hôn anh Đ. Về con chung áp dụng Điều 81,82,83 LHNGĐ: Chấp nhận cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trà M sinh ngày 29/10/2015. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L khởi kiện xin ly hôn anh Đ có hộ khẩu thường trú tại xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng tại phiên hòa giải và phiên tòa anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã D, huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng có xảy ra xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Gia đình cũng đã giàn xếp nhiều lần nhưng không thành. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L xử cho chị được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Trà M sinh ngày 29/10/2015. Hiện nay cháu đang ở với mẹ, cháu được chăm sóc tốt, đi học đầy đủ. Chị L làm kế toán, thu nhập ổn định, có sức khỏe, đủ điều kiện nuôi con tốt. Do đó giao cháu Trà M cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị L không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Trà M sinh ngày 29/10/2015, giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Trà M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Phần cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2018/0003426 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị Linh đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã Dân Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu